TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2020/DS-PT
Ngày: 18/02/2020.
V/v tranh chấp *"Hợp đồng mua bán tài sản"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Trung Hiếu**;

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Thanh Triều.**

Bà **Trần Thị Kim Em.**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Đặng Thị Thanh Trinh**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*** Bà **Từ Thị Kỳ** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 312/2019/TLPT-DS ngày 03/12/2019 về việc tranh chấp: "*Hợp đồng mua bán tài sản*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 85/2019/DS-ST ngày 20/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 387/2019/QĐ-PT ngày 05/12/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngô Thị Kim A, sinh năm 1972 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp G, xã B, huyện G, tỉnh T.

Bị đơn: Nguyễn Văn H, sinh năm 1970 (có mặt);

Phan Thị T, sinh năm 1974 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp R, xã B, huyện G, tỉnh T.

*Người kháng cáo: Bị đơn anh Nguyễn Văn H, chị Phan Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn chị Ngô Thị Kim A trình bày:

Vào ngày 15/10/2014 đến ngày 06/01/2015 chị có bán thiếu thức ăn chăn nuôi gà cho vợ chồng anh H, chị T với tổng số tiền là 314.000.000 đồng, hẹn đến khi gà xuất chuồng sẽ trả một lần, nhưng sau đó phía anh H, chị T chỉ trả

cho chị được 200.500.000đồng thì ngưng không trả cho chị nữa, chị đã nhiều lần liên hệ để thu hồi nợ nhưng không được. Nay chị yêu cầu anh H, chị T cùng có nghĩa vụ trả lại chị số tiền mua thức ăn còn nợ tổng cộng là 113.500.000đồng, yêu cầu trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi.

Chứng cứ chứng minh là bản chính sổ nợ.

*** Bị đơn Chị Phan Thị T trình bày:**

Chị thống nhất với lời trình bày của chị A về số tiền mua thức ăn hiện còn nợ là 113.500.000đồng, do tình hình chăn nuôi dịch bệnh nên không có tiền trả chị A như thỏa thuận. Nay chị đồng ý cùng anh H trả cho chị A số tiền còn nợ lại là 113.500.000đồng, nhưng do hoàn cảnh chăn nuôi gặp khó khăn nên xin chị A hổ trợ số tiền là 40.000.000đồng, số tiền còn lại là 73.500.000 đồng xin 06 tháng trả 20.000.000đồng cho đến khi hết nợ.

* **Bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:**

Anh thống nhất với lời trình bày của chị T, hiện nay kinh tế gia đình anh và chị T đang gặp khó khăn nên anh xin chị A cho trả số tiền 73.500.000đồng làm nhiều lần, cụ thể 06 tháng trả 20.000.000đồng cho đến khi hết nợ.

* Bản án sơ thẩm số: 85/2019/DS-ST ngày 20/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh T căn cứ Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự.

Điều 26, 35, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Kim A.

Buộc anh Nguyễn Văn H, chị Phan Thị T có nghĩa vụ trả cho chị Ngô Thị Kim A số tiền mua thức ăn còn nợ tổng cộng là 113.500.000đồng, thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh H, chị T chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

*Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 26/6/2019, bị đơn chị Phan Thị T, anh Nguyễn Văn H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm số 85/2019/DS-ST ngày 20/6/2019 của tòa án nhân dân huyện G, không đồng ý trả số tiền 113.500.000đồng làm một lần xin trả làm nhiều lần, mỗi tháng trả 5.000.000đồng cho đến khi trả hết nợ.

Tại phiên tòa, người kháng cáo anh Nguyễn Văn H, chị Phan Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu, không chấp nhận trả lại tiền theo yêu cầu của nguyên đơn. Anh H, chị T xin được trả dần số nợ còn thiếu.

Nguyên đơn chị Ngô Thị Kim A không chấp nhận kháng cáo của bị đơn yêu cầu được trả ngay số tiền còn nợ là 113.500.000 đồng.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang xác định: quá trình tố tụng, tại phiên tòa phúc thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Viện kiểm sát không bổ sung gì thêm. Về nội dung, qua vụ án cho thấy anh H, chị T mua thức ăn chăn nuôi của chị Kim A hiện còn thiếu lại 113.500.000đồng. Việc thỏa thuận mua bán là tự nguyện, quyền và nghĩa vụ của đôi bên được xác định rõ, anh H, chị T xin giảm và trả chậm số nợ còn thiếu, chị Kim A không chấp nhận, pháp luật không cho phép. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định:

[1] Về tố tụng:

Sau khi Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm tuyên án, không đồng ý với kết quả trên bị đơn kháng cáo. Việc kháng cáo về thủ tục và thời gian đúng quy định của pháp luật về tố tụng.

[2] Về nội dung:

Việc mua bán thức ăn chăn nuôi giữa chị Ngô Thị Kim A, anh Nguyễn Văn H và chị Phan Thị T là thỏa thuận tự nguyện, quyền và nghĩa vụ của bên mua và bên bán được xác định rõ. Viện lý do chăn nuôi bị thua lỗ, anh H, chị T xin giảm và trả nợ là nhiều lần, kéo dài thời gian. Chị Kim A không chấp nhận. Căn cứ vào giao kết mà đôi bên đã thống nhất, xét thấy yêu cầu của bị đơn là không hợp lý, gây ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn, lý do xin giảm, kéo dài việc trả nợ là không có cơ sở, pháp luật không cho phép. Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm buộc anh H, chị T trả số nợ còn lại cho bị đơn ngay sau khi án có hiệu lực là đúng quy định của pháp luật. Do vậy không thể chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Về án phí sơ thẩm: căn cứ vào đơn xin giảm án phí của bị đơn, vào quy định tại Nghị quyết 326 của Quốc Hội Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu trên.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T: là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Về án phí sơ thẩm bị đơn phải chịu

5.675.000đồng, cùng với đơn kháng cáo anh H, chị T có đơn xim giảm án phí do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa phương. Căn cứ vào các Điều 13, 14, 15 Hội đồng xét xử giảm ½ án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn H, chị Phan Thị T. Sửa 01 phần bản án dân sự sơ thẩm số 85/2019/DS-ST ngày 20/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh T về phần án phí.

Áp dụng: Điều 430, 440 Bộ luật dân sự;

Điều 26,35,147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giãm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Kim A.

Buộc anh Nguyễn Văn H, chị Phan Thị T có nghĩa vụ trả cho chị Ngô Thị Kim A số tiền mua thức ăn còn nợ tổng cộng là 113.500.000đồng (một trăm mười ba triệu năm trăm ngàn đồng), thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh H, chị T chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

Anh Nguyễn Văn H, chị Phan Thị T chịu 2.837.500đồng (hai triệu tám trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000đồng tiền tạm nộp án phí do chi T nộp theo biện lai thu số 46912 ngày 26/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh T.

Hoàn lại cho chị Ngô Thị Kim A số tiền tạm nộp án phí là 2.837.500đồng (hai triệu tám trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm đồng) theo biên lai thu số 46632 ngày 20/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh T.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và Điều 9 của Luật thi

hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh T;
- TAND huyện G;
- CC THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV &THA (TAT);
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Trung Hiếu